

Bản án số: 140/2024/DS-PT

Ngày 21 - 8-2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự  
về mua bán tài sản"

*NHÂN DANH*

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long

Ông Huỳnh Đức Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: 1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1969 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N1: ông Đặng Văn C, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 7/8/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị N1 là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông Trần Văn H trình bày: Vào ngày 23/3/2022 ông với ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị N1 có thoả thuận, ông bán cho ông N, bà N1 1.675 con vịt 95 ngày tuổi với giá 58.000 đồng/ một con. Tổng số tiền bán vịt cho ông N, bà N1 là 97.150.000 đồng. Việc thoả thuận mua bán vịt chỉ thể hiện bằng lời nói, không lập giấy tờ hay văn bản gì. Ngày 23/3/2022, phía ông thuê anh Nguyễn Quốc T chở vịt giao cho ông N bà N1. Ông N, bà N1 có trả cho ông được 50.000.000 đồng, còn lại 47.150.000 đồng hẹn đến ngày 09/5/2022 sẽ trả đủ nhưng đến hẹn ông N, bà N1 không trả. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quốc T khai khi giao vịt cho ông N và bà N1 nhận thì có 08 con bị chết (do vịt giãm đạp lên nhau khi di chuyển). Do vậy nay ông yêu cầu ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị N1 trả số tiền mua vịt còn nợ là 46.686.000 đồng (sau khi trừ ra giá trị 08 con vịt bị chết là 464.000 đồng) và tiền lãi là 2.916.700 đồng (tiền lãi từ ngày 09/5/2022 đến ngày 24/12/2022 là 07 tháng 15 ngày x 46.686.000 đồng x 0,833% = 2.916.700 đồng); Tổng cộng gốc và lãi là 49.602.700 đồng. Đối với số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện là 493.000 đồng ông xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà thừa nhận vào ngày 23/3/2022 bà có thoả thuận mua của ông Trần Văn H 1.675 con vịt loại 95 ngày tuổi với giá 58.000 đồng/ một con. Thành tiền tổng cộng là 97.150.000 đồng. Việc mua bán giữa hai bên không có lập văn bản giấy tờ gì. Cùng ngày 23/3/2022, ông Nguyễn Quốc T người chở vịt thuê cho ông H có chở giao cho bà số lượng vịt nêu trên và bà có trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng (bà giao tiền cho ông T mang về giao lại cho ông H). Còn lại số tiền 47.150.000 đồng bà chưa trả cho ông H, do khi thoả thuận mua vịt là bà mua vịt khoẻ mạnh không bệnh tật, nhưng phía ông H giao vịt không khoẻ mạnh, vịt bị bệnh chết nhiều. Việc thoả thuận mua bán vịt với ông H chỉ do bà thoả thuận nhưng chồng bà là ông Võ Văn N có biết và đồng ý việc mua vịt của ông H. Nay bà và chồng bà là ông Võ Văn N không đồng ý trả cho ông Trần Văn H số tiền 46.686.000 đồng và tiền lãi vì ông H giao vịt bị bệnh chết nhiều.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quốc T có lời trình bày: Vào ngày 23/3/2022, anh có nhận chở thuê vịt của ông Trần Văn H giao cho

ông **Võ Văn N**, bà **Nguyễn Thị N1**, địa điểm chở vịt tại **huyện C, tỉnh Trà Vinh** chở giao cho ông **H**, bà **N1** tại đồng **huyện C, tỉnh Đồng Tháp** (do ông **H**, bà **N1** nuôi vịt chạy đồng). Khi giao vịt cho bà **N1** nhận thì có khoảng 07-08 con bị chết, ông **H** có gọi điện kêu anh quay trở lại chở vịt vừa giao cho bà **N1** về, nhưng khi quay lại một đoạn gặp bà **N1**, thì bà **N1** giao anh số tiền 50.000.000 đồng nói về giao ông **H**, bà **N1** không yêu cầu anh chở vịt ông **H** giao cho bà về lại cho ông **H**. Việc ông **H**, bà **N1** thoả thuận với nhau về việc mua bán vịt thế nào anh không rõ, anh chỉ là người nhận chở thuê, và đã nhận đủ tiền chở thuê vịt giao cho bà **N1**. Nay anh không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Quá trình giải quyết vụ án, ông **Võ Văn N** vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã xử:

Các Điều 430, 440, 441, 357 và Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn H**.

Buộc ông **Võ Văn N** và bà **Nguyễn Thị N1** phải trả cho ông **Trần Văn H** số tiền 49.602.700 đồng (*Bốn mươi chín triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm đồng*).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn H** đối với số tiền gốc là 464.000 đồng và tiền lãi là 29.000 đồng chênh lệch so với đơn khởi kiện.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/02/2024 bà **Nguyễn Thị N1** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các bên đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện ban hành văn bản tố tụng và tổng đạt các văn bản chuyển hồ sơ sang cho VKS đầy đủ và đúng theo quy định bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thực hiện đúng về thời hạn xét xử phúc thẩm và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ về trình tự, thủ tục phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến và tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay. Bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1 còn trong thời hạn luật quy định, nội dung và hình thức đơn kháng cáo là hợp lệ nên được xem là hợp pháp xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N1 không đồng ý trả cho ông Trần Văn H số tiền 49.602.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 23/3/2022 bà Nguyễn Thị N1 thừa nhận có mua vịt của ông Trần Văn H số lượng 1.675 con giá 58.000 đồng/con, thành tiền tổng cộng là 97.150.000 đồng, phía ông H đã giao vịt cho bà N1 nhận, sau khi nhận vịt bà N1 có trả trước số tiền 50.000.000 đồng, còn lại số tiền 47.150.000 đồng chưa trả nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 441 Bộ luật dân sự quy định thì kể từ thời điểm chịu rủi ro “*Bên bán chịu rủi ro đối với tài sản trước khi tài sản giao cho bên mua, bên mua chịu rủi ro đối với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản...*”; với quy định nêu trên ông N, bà N1 nhận vịt do phía ông H ngày 23/3/2022 kể từ thời điểm này thì mọi trách nhiệm rủi ro không còn thuộc về ông H mà do phía ông N, bà N1 phải chịu, việc bà N1 cho rằng ông H giao vịt bệnh nhưng khi ông H giao vịt ông N, bà N1 nhận cũng không có ý kiến gì và cũng không có chứng cứ nào chứng minh vịt ông H bị bệnh đem bán cho phía ông, bà. Do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1 là không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với tình tiết khách quan vụ án và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 430, 440, 441, 357 và Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Buộc ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị N1 phải trả cho ông Trần Văn H số tiền 49.602.700 đồng (*Bốn mươi chín triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm đồng*). Trong đó tiền gốc 46.686.000 đồng, tiền lãi 2.916.700 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với số tiền gốc là 464.000 đồng và tiền lãi là 29.000 đồng chênh lệch so với đơn khởi kiện.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N1 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002441 ngày 16/02/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND h. Càng Long;
- Chi cục THADS h. Càng Long;
- Dương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM  
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thành**

